

Luật Địa chất và Khoáng sản Mới của Việt Nam

(Bản cập nhật)

Nguyễn Hữu Hoài
RUSSIN & VECCHI

Điện thoại: (84-28) 3824-3026
Email: nhhoai@russinvecchi.com.vn
Web: www.russinvecchi.com.vn

Việt Nam có nguồn tài nguyên khoáng sản dồi dào và phong phú bao gồm nhôm, wolfram, than, titan, đất hiếm, apatít, đồng, kẽm, chì, sắt, molipden, vàng, đá serpentine, kaoline, feldspat, graphite, quartzite và các loại khoáng sản khác. Tính đến nay, khoảng 4.000 mỏ đã được cấp phép. “Cơn sốt vàng” mới tìm kiếm khoáng sản quý đã bắt đầu. Cả nhà đầu tư trong nước và nước ngoài đều có kế hoạch nghiêm túc để tham gia và khai thác thị trường này.

Tài nguyên khoáng sản là tài sản công quan trọng và do Nhà nước quản lý. Việc quản lý và khai thác được điều chỉnh bởi Luật Khoáng sản. Quốc hội đã thay thế luật khoáng sản hiện hành bằng "*Luật Địa chất và Khoáng sản*" ("**Luật mới**") vào năm 2024. Luật mới được ban hành nhằm thúc đẩy sự phát triển ngành khai khoáng một cách bền vững và hiệu quả. Luật mới điều chỉnh cả vấn đề liên quan đến khoáng sản và các vấn đề địa chất. Luật mới có hiệu lực từ ngày 1 tháng 7 năm 2025. Bài viết này sẽ thảo luận các điểm nổi bật và những thay đổi được đưa vào Luật mới.

Một cái nhìn tổng quan về Luật mới. Luật Khoáng sản được ban hành vào năm 2010. Kể từ đó, đã có nhiều luật được ban hành hoặc sửa đổi (Luật Đất đai, Luật Xây dựng, Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Bảo vệ Môi trường, Luật Quản lý và Sử dụng Tài sản Công và các luật khác). Luật mới được ban hành nhằm đồng bộ và nhất quán với các thay đổi trong các luật khác.

Luật mới gồm 12 Chương và 111 Điều. Luật mới đã được sửa đổi vào năm 2025, và sau đó tiếp tục được sửa đổi vào năm 2026 ("**Luật sửa đổi**"). Phạm vi của Luật mới và Luật sửa đổi bao gồm các vấn đề như: các chính sách chung; chiến lược và quy hoạch liên quan đến địa chất và khoáng sản; điều tra cơ bản địa chất; điều tra địa chất về khoáng sản; khu vực khai thác mỏ; việc sử dụng đất, mặt nước, khu vực biển và cơ sở hạ tầng cho hoạt động khoáng sản; hoạt động khoáng sản; và thu hồi khoáng sản. Luật mới cũng điều chỉnh việc chế biến khoáng sản; bảo vệ môi trường và đóng cửa các mỏ; quản lý thăm dò và khai thác cát, sỏi từ lòng hồ, lòng sông và khu vực biển; thu thập và xử lý dữ liệu và thông tin địa chất, khoáng sản; nghĩa vụ tài chính và đấu giá quyền khai thác khoáng sản; quản lý của Nhà nước về địa chất và khoáng sản; và các quy định chuyển tiếp.

Để dễ hiểu hơn, phần thảo luận và tóm tắt của chúng tôi về Luật mới được trình bày dưới dạng câu hỏi và trả lời. Câu trả lời cho một số câu hỏi của có thể sẽ cần được xem lại khi các quy định hướng dẫn của Luật mới được ban hành.

Phạm vi của Luật Mới là gì?

Luật Khoáng sản cũ chỉ bao gồm các vấn đề liên quan đến khoáng sản. Phạm vi điều chỉnh của Luật mới đã được mở rộng hơn. Luật Mới quy định và điều chỉnh cả các vấn đề khoáng sản và địa chất. Lưu ý rằng việc thăm dò và khai thác dầu mỏ và các loại nước thiên nhiên (ngoại trừ nước khoáng và nước suối nóng) không được điều chỉnh bởi Luật Mới. Chúng được điều chỉnh bởi các luật chuyên biệt khác.

Việt Nam có công nhận "sở hữu tư nhân" đối với đất đai và mỏ không?

Đất đai và tài nguyên khoáng sản không thể thuộc sở hữu của các cá nhân hoặc tổ chức, cho dù là người Việt hay nước ngoài. Hiến pháp quy định rằng đất đai và tài nguyên khoáng sản là tài sản công thuộc sở hữu của toàn dân, và Nhà nước quản lý. Để thực thi quyền sở hữu của toàn nhân dân, Nhà nước có thể (i) cho cá nhân hoặc tổ chức thuê một mảnh đất để sử dụng theo Luật Đất đai, và (ii) cấp quyền khai thác khoáng sản theo Luật Mới.

Có định nghĩa về “khoáng sản” trong luật không? Khoáng sản bao gồm những loại nào?

Khái niệm “khoáng sản”, như được định nghĩa trong Luật mới, có nghĩa là khoáng vật, khoáng chất có ích được tích tụ tự nhiên ở thể rắn, thể lỏng, thể khí tồn tại trong lòng đất hoặc trên mặt đất, bao gồm cả khoáng vật, khoáng chất ở bãi thải của mỏ. Theo Luật Mới, khoáng sản được phân loại và chia thành bốn nhóm¹:

- Nhóm I bao gồm khoáng sản kim loại, đất hiếm, khoáng sản năng lượng, khoáng sản công nghiệp (ngoại trừ khoáng sản công nghiệp dùng để sản xuất vật liệu xây dựng), đá quý và đá bán quý;
- Nhóm II bao gồm khoáng sản sử dụng trong ngành xây dựng để sản xuất xi măng, kính xây dựng, gốm sứ, đá ốp lát, đá mỹ nghệ, vôi công nghiệp, vật liệu chịu lửa và khoáng chất công nghiệp dùng để sản xuất vật liệu xây dựng;
- Nhóm III bao gồm than "nâu", nước khoáng tự nhiên, nước nóng tự nhiên và khoáng chất dùng để sản xuất vật liệu xây dựng thông thường (ngoại trừ vật liệu xây dựng thuộc Nhóm II và IV); và
- Nhóm IV bao gồm khoáng sản chỉ phù hợp với mục đích làm vật liệu san lấp đắp nền móng cho công trình xây dựng, công trình thủy lợi, bao gồm đất sét, đất đồi, đất lẫn cát, cuội hoặc sỏi, cát (ngoại trừ cát được khai thác từ lòng hồ, lòng sông và khu vực biển).

¹ Điều 6 của Luật Mới.

Danh sách các khoáng sản cụ thể và phân loại của chúng có thể được tìm thấy trong Phụ lục 1 của Nghị định 193².

Yêu cầu và thủ tục cấp phép đối với từng Nhóm khoáng sản là khác nhau. Ví dụ, một dự án khai thác khoáng sản thuộc Nhóm I và II phải có trong quy hoạch tổng thể quốc gia, và phải được Thủ tướng phê duyệt, trong khi một dự án khai thác khoáng sản thuộc Nhóm IV thì không nhất thiết phải có trong quy hoạch tổng thể quốc gia.

Quyền tiến hành điều tra địa chất về khoáng sản là gì?

Luật mới quy định rằng các cuộc điều tra địa chất về khoáng sản sẽ do Nhà nước thực hiện theo quy hoạch đã được phê duyệt. Bộ Nông nghiệp và Môi trường ("**BNNMT**") được phê duyệt chương trình tiến hành điều tra địa chất về khoáng sản. Khối khu vực tư nhân cũng có thể tham gia các chương trình này nếu được Thủ tướng phê duyệt.

Quyền tiến hành các hoạt động thăm dò là gì?

Nhà nước tiến hành thăm dò các khoáng sản chiến lược và quan trọng. Bao gồm các khoáng sản có giá trị kinh tế cao và nhu cầu lớn. Liên quan đến vấn đề này, BNNMT đã công bố danh sách các khoáng sản chiến lược và quan trọng cho giai đoạn 2025–2030, với tầm nhìn đến năm 2045, bao gồm 19 khoáng sản: đất hiếm; uranium và thorium; vàng; thiếc; tungsten; antimon; đồng; bauxite; titan; lithium; sắt; mangan; molybden; niken; coban; crôm; than anthracite; apatit; và graphite theo Quyết định 3792.³

Nhà nước có thể cho phép thăm dò các khoáng sản chiến lược và quan trọng theo các thỏa thuận liên chính phủ giữa Việt Nam và các nước khác.

Như đã đề cập, một công ty tư nhân có thể tham gia điều tra địa chất về khoáng sản. Tuy nhiên, công ty phải chịu chi phí khảo sát. Đổi lại, công ty sẽ nhận được một số đặc quyền nhất định. Ví dụ, công ty sẽ được ưu tiên nhận quyền khai thác khoáng sản trong khu vực khảo sát. Thời gian ưu tiên là 36 tháng kể từ ngày công nhận kết quả khảo sát. Tất nhiên, công ty phải có giấy phép thăm dò khoáng sản.

Để tiến hành thăm dò khoáng sản, một công ty nước ngoài phải có văn phòng đại diện hoặc chi nhánh tại Việt Nam. Công ty nước ngoài cũng phải đáp ứng các điều kiện trong Luật Mới. Luật Mới (*Điều 38*) quy định các điều kiện chung để một tổ chức được cấp giấy phép thăm dò khoáng sản: (i) được thành lập hợp pháp tại nước sở tại; (ii) có nhân sự phụ trách kỹ thuật có bằng cấp đại học hoặc tương đương thuộc ngành địa chất và có kinh nghiệm công tác trong thăm dò khoáng sản, có hiểu biết, nắm vững tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về thăm dò khoáng sản; (iii) phải có nhân viên kỹ thuật chuyên ngành địa chất và trong các chuyên ngành liên quan. Yêu cầu cụ thể cho từng điều kiện được cụ thể hóa trong Nghị định 193.

² Nghị định 193/2025/ND-CP của Chính phủ ngày 2 tháng 7 năm 2025 ("**Nghị định 193**").

³ Quyết định 3792/2025/QĐ-BNNTN của Bộ trưởng Nông nghiệp và Môi trường ngày 17 tháng 9 năm 2025 ("**Quyết định 3792**").

Quy trình cấp phép để nhà đầu tư có được quyền khai thác khoáng sản được quy định như thế nào?

Quyền khai thác khoáng sản sẽ được đấu giá công khai. Định kỳ, Nhà nước sẽ xác định các dự án khai thác mỏ đang được đấu giá. Vì mục đích an ninh và quốc phòng, cũng như để đảm bảo đủ khoáng sản cho: (i) sản xuất một số vật liệu xây dựng, và (ii) chế biến khoáng sản của các dự án chế biến được phê duyệt khác, một số dự án khai thác mỏ sẽ không thuộc diện đấu giá công khai. Tùy từng thời điểm, BNNMT hoặc Ủy ban Nhân dân địa phương sẽ phát hành danh sách các dự án khai thác khoáng sản không thuộc diện đấu giá. Trong những trường hợp như vậy, Nhà nước sẽ lựa chọn trong số các công ty khai thác mỏ đủ điều kiện thực hiện các dự án này.

Nhà nước có thể cho phép khai thác các tài nguyên khoáng sản chiến lược và quan trọng bởi một số công ty khai thác nước ngoài theo các thỏa thuận liên chính phủ với Việt Nam.

Theo Luật mới, số lượng giấy phép khai thác khoáng sản cho MỖI loại khoáng sản cấp cho MỘT công ty bị giới hạn ở mức năm giấy phép. Giới hạn này đã được bãi bỏ bởi Luật Sửa đổi vào ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Thời hạn tối đa của giấy phép khai thác mỏ là bao lâu?

- Thời hạn của giấy phép thăm dò khoáng sản không được vượt quá 48 tháng. Thời hạn có thể được gia hạn, nhưng thời gian gia hạn không được vượt quá 24 tháng.
- Thời hạn giấy phép khai thác khoáng sản không được vượt quá 30 năm. Thời hạn có thể được gia hạn, nhưng thời gian gia hạn không được vượt quá 20 năm.
- Thời hạn giấy phép khai thác khoáng sản còn lại không được vượt quá 10 năm. Thời hạn có thể được gia hạn, nhưng thời gian gia hạn không được vượt quá 5 năm.
- Thời hạn giấy phép khai thác cát và sỏi từ lòng hồ, lòng sông và vùng biển không được vượt quá 10 năm. Thời hạn có thể được gia hạn, nhưng thời gian gia hạn không được vượt quá 10 năm.

Nhà đầu tư có thể chuyển nhượng quyền thăm dò/khai thác khoáng sản của mình không?

- Nhà đầu tư được cấp phép thăm dò khoáng sản có thể chuyển nhượng quyền thăm dò của mình, với điều kiện nhà đầu tư đã thực hiện ít nhất 50% chi phí thăm dò dự kiến. Việc chuyển nhượng phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

- Nhà đầu tư được cấp phép khai thác khoáng sản có thể chuyển nhượng quyền khai thác, với điều kiện nhà đầu tư đã hoàn thành công trình xây dựng và đưa mô vào hoạt động. Việc chuyển nhượng phải được các cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

Cơ quan quản lý ngành khai thác mỏ bao gồm các cơ quan nào? Và trách nhiệm cũng như thẩm quyền của các cơ quan này?

Chính phủ và BNNMT có quyền giám sát các hoạt động khai thác khoáng sản ở cấp cao nhất. Chính phủ chịu trách nhiệm ban hành các quy định hướng dẫn thực thi Luật mới. Thủ tướng được quyền phê duyệt (i) chiến lược 10 năm về địa chất, khoáng sản và phát triển ngành công nghiệp khai thác khoáng sản và (ii) quy hoạch khoáng sản thuộc Nhóm I và II.

Ngoài các quyền và trách nhiệm khác được giao, Bộ Công Thương, BNNMT được quyền cấp giấy phép thăm dò và khai thác khoáng sản thuộc Nhóm I. BNNMT cũng chịu trách nhiệm (i) trình danh sách các khu vực khoáng sản (khoáng sản thuộc Nhóm I và Nhóm II) không thuộc diện đấu giá, lên Thủ tướng để phê duyệt; và (ii) ban hành các quy định hướng dẫn thực hiện Luật Mới.

Ủy ban Nhân dân được quyền giám sát hoạt động khai thác khoáng sản ở cấp địa phương. Các Ủy ban Nhân dân Tỉnh được phép: (i) cấp giấy phép thăm dò và khai thác khoáng sản thuộc Nhóm II, III và giấy phép khai thác khoáng sản thuộc Nhóm IV; (ii) đánh giá và phê duyệt kế hoạch cũng như báo cáo đánh giá khoáng sản tiềm năng thuộc Nhóm III và Nhóm IV; (iii) ban hành danh sách các khu vực khoáng sản (khoáng sản thuộc Nhóm III và Nhóm IV) không thuộc diện đấu giá.

Nghĩa vụ tài chính của một công ty khai thác khoáng sản?

Các công ty khai thác khoáng sản có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ tài chính sau đối với ngân sách Nhà nước: (i) thuế, lệ phí và các khoản phí theo quy định; (ii) hoàn trả chi phí do Nhà nước tài trợ để thăm dò và đánh giá nguồn khoáng sản tiềm năng; (iii) tiền phí nhận được quyền khai thác khoáng sản.⁴

Luật mới không quy định chi tiết về việc xác định thuế và phí vì các nghĩa vụ này đã được quy định trong luật thuế và các quy định liên quan. Thông thường, một công ty khai thác khoáng sản chịu các loại thuế sau: (i) thuế tài nguyên (với mức thuế suất từ 1% đến 35%); (ii) thuế thu nhập doanh nghiệp; (iii) thuế sử dụng đất áp dụng cho đất phi nông nghiệp; (iv) thuế xuất khẩu (trong trường hợp xuất khẩu). Tiền phí nhận quyền khai thác phải được nộp hàng năm bất kể các công ty khai thác đã bắt đầu hoạt động thương mại hay chưa. Thuế tài nguyên phải được nộp bất kể là khoáng sản đang được chế biến hay còn tồn kho.

Các công ty khai thác khoáng sản còn có một nghĩa vụ tài chính khác. Đó là, công ty khai thác khoáng sản phải ký quỹ hàng năm với Quỹ Bảo vệ Môi trường Việt Nam để đảm bảo phục hồi sau khai thác. Tiền ký quỹ sẽ được hoàn trả cho công ty khai thác khoáng sản sau khi hoàn thành việc phục hồi bắt buộc sau khai thác. Số tiền ký quỹ được xác định dựa trên chi phí ước

⁴ Điều 95 của Luật Mới.

tính để phục hồi dự án. Các chi phí này được cơ quan cấp phép khai thác phê duyệt trước khi mỏ đá có thể bắt đầu hoạt động. Thứ vị là, hoạt động khai thác mỏ không được hưởng ưu đãi thuế. Thực tế, thuế đối với hoạt động khai thác khoáng sản có thể cao hơn mức thuế đối với các hoạt động kinh doanh thương mại hoặc công nghiệp thông thường.

Hội đồng Nhân dân cấp Tỉnh có thể yêu cầu hoặc không yêu cầu các công ty khai thác mỏ cung cấp các khoản đóng góp tài chính để cải thiện, duy trì và xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông, cung cấp nước sạch, xây dựng các công trình xử lý chất thải rắn, xử lý nước thải và các công trình bảo vệ môi trường tại khu khai thác. Khoản đóng góp tài chính hàng năm áp dụng cho mỗi khoáng sản không được vượt quá 1% giá tính thuế và sản lượng khai thác ước tính hàng năm của loại khoáng sản đó. Chính phủ (không phải Hội đồng Nhân dân cấp Tỉnh) chịu trách nhiệm ban hành các quy định chi tiết về mức đóng góp, thủ tục và việc sử dụng quỹ này.

Có những hạn chế hoặc giới hạn nào đối với hoạt động khai thác mỏ không?

Để đảm bảo an ninh quốc phòng, ngăn ngừa và giảm thiểu tác động đến môi trường cũng như các địa danh văn hóa và lịch sử, bảo vệ rừng, và đối với các công trình hạ tầng quan trọng hiện có hoặc đã được quy hoạch, các cơ quan nhà nước có thể áp đặt các hạn chế đối với việc thăm dò và khai thác khoáng sản. Các hạn chế có thể bao gồm một hoặc tất cả các biện pháp sau:

- a) Lựa chọn các tổ chức và cá nhân được phép thăm dò và khai thác khoáng sản;
- b) Khối lượng có thể khai thác;
- c) Thời hạn cho phép khai thác khoáng sản;
- d) Diện tích và độ sâu được phép khai thác; và
- e) Phương pháp khai thác tài nguyên khoáng sản.

Các Ủy ban Nhân dân cấp Tỉnh, sau khi tham khảo ý kiến của BNNMT, có trách nhiệm xác định các khu vực khai thác mỏ bị hạn chế và tạm thời hạn chế, và xin sự phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ.

Có giới hạn về diện tích đất của một dự án thăm dò không?

Tùy thuộc vào loại khoáng sản, diện tích khu vực được phép thăm dò có thể khác nhau. Một khu vực thăm dò KHÔNG được vượt quá: (i) 100 km² (km2) đối với than, bôxite; (ii) 50 km² đối với đá quý, bán quý, khoáng kim loại (trừ bôxite); (iii) 10 km² đối với khoáng sản phi kim loại trên đất liền, ngoại trừ khoáng sản thuộc Nhóm III; và (iv) 200 km² đối với khoáng sản ở vùng biển, ngoại trừ khoáng sản thuộc Nhóm III. BNNMT có thẩm quyền mở rộng diện tích thăm dò (trong các trường hợp đặc biệt khi cần diện tích lớn hơn); (iv) 2 km² trên đất liền, 30 km² đối với vùng biển đối với khoáng sản thuộc Nhóm III, ngoại trừ nước khoáng tự nhiên và nước nóng tự nhiên.

Có hai ngoại lệ: (i) khu vực thăm dò nước khoáng tự nhiên và nước nóng tự nhiên được xác định theo từng dự án; (ii) khu vực thăm dò của một dự án thăm dò--nơi thăm dò các khoáng sản chiến lược và quan trọng, được thực hiện theo một thỏa thuận liên chính phủ--sẽ được xác định theo thỏa thuận liên chính phủ đó.

Yêu cầu chung về việc đóng cửa mỏ đá là gì?

Khi một mỏ bị đóng cửa, các công ty khai thác mỏ phải: (i) nộp kế hoạch đóng mỏ để được cơ quan cấp phép phê duyệt; (ii) di dời toàn bộ tài sản khỏi khu vực trong vòng sáu tháng kể từ khi giấy phép hết hạn; và (iii) phục hồi môi trường và đất đai. Sau đó, các khoản tiền ký quỹ hàng năm cho Quỹ Bảo vệ Môi trường sẽ được hoàn trả.

Điều gì xảy ra với một dự án khai thác mỏ được cấp phép trước ngày có hiệu lực của Luật mới?

Luật mới có một quy định chuyển tiếp cho phép các tổ chức và cá nhân đã được cấp phép tiếp tục hoạt động cho đến khi giấy phép khai thác hết hạn. Trong trường hợp gia hạn, sửa đổi hoặc chuyển nhượng giấy phép khai thác mỏ, hoặc trong trường hợp đóng cửa mỏ, các công ty khai thác mỏ phải tuân thủ Luật mới.

Luật Khoáng sản vẫn có hiệu lực đến ngày 1 tháng 7 năm 2025. Một số quy định hướng dẫn của Luật Khoáng sản đã được ban hành (Chính phủ ban hành 12 nghị định và bốn quyết định; các bộ đã ban hành 60 thông tư). Các quy định hướng dẫn cũ này đã và sẽ được thay thế dần bằng các quy định mới kể từ khi Luật mới có hiệu lực từ ngày 1 tháng 7 năm 2025. Tính đến nay, đã có 28 quy định hướng dẫn mới được ban hành (bao gồm ba nghị định mới và 25 thông tư mới). Dự kiến sẽ có nhiều quy định hướng dẫn mới khác cũng sẽ được ban hành để giải quyết các vấn đề khác (ví dụ: yêu cầu xuất khẩu khoáng sản quan trọng và chiến lược, điều kiện thăm dò, khai thác, xuất khẩu đất hiếm, v.v.).